Tra cứu Biểu thuế XNK Việt Nam

Chi tiết mã HS 8535.40.00

Mã HS	8535.40.00
Mô tả hàng hóa	Thiết bị điện để đóng ngắt mạch hoặc bảo vệ mạch điện, hoặc dùng để đấu nối hoặc lắp trong mạch điện (ví dụ, cầu dao, công tắc, cầu chì, bộ chống sét, bộ khống chế điện áp, bộ triệt xung điện, phích cắm và đầu nối khác, hộp đấu nối), dùng cho điện áp trên 1.000 V / - Bộ chống sét, bộ khống chế điện áp và bộ triệt xung điện
Đơn vị	chiếc
Thời điểm tạo	01/11/2026 16:28:30
Phiên bản dữ liệu	2026.04.05 – BIEU THUE XNK 2026.04.05.xlsx
Trạng thái xác minh	Dữ liệu biểu thuế đối chiếu file nguồn; khuyến cáo/mapping là thông tin định hướng; điều kiện FTA chưa xác minh.
Liên kết	https://vietnamtariff.com/hs-code/85354000/

Thuế áp dụng năm 2026

Biểu thuế	Giá trị gốc	Thuế suất	Văn bản	hiệu lực	Nguồn
Thuế NK thông thường	5	5%	15/2023/QĐ-TTg	2023-07-15	BT2026!K15761
Thuế NK ưu đãi (MFN)	0	0%	26/2023/NĐ-CP	2023-07-15	BT2026!N15761
Thuế GTGT (VAT)	8/10	8 / 10 (nhiều mức)	181/2025/NĐ-CP	2025-07-01	BT2026!Q15761
Thuế tiêu thụ đặc biệt		Không có dữ liệu			
Thuế bảo vệ môi trường		Không có dữ liệu			
Thuế xuất khẩu		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi CPTPP		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi EVFTA		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi UKVFTA		Không có dữ liệu			

Thuế suất ưu đãi đặc biệt (FTA) – 2026

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái

AANZFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AANZ	121/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
ACFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	E	118/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AHKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	AHK	123/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AIFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/01/2026 - 31/12/2026	AI	122/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AJCEP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	AJ	120/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AK	119/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
ATIGA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	D	126/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
CPTPP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	(VI)	CPTPP	115/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
EVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	116/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục A)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục B)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục C)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục D)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục E)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục F)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
UKVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	117/2022/NĐ-CP	Thuế suất %

VCFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VC	112/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VJEPA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	JV · Form VJ	124/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VK	125/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-LAO	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026		S	206/2025/NĐ-CP	Thuế suất %
VIFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	Form VI (verify)	131/2024/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-CAM		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		S	56/2026/NĐ-CP	Không có dữ liệu
VNCU		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		VNCB · Form VC (Cuba)	114/2022/NĐ-CP	Không có dữ liệu
VN-EAEU	*	* không hưởng ưu đãi	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EAV	113/2022/NĐ-CP	Không được hưởng (*)

Lịch sử / lộ trình thuế suất theo năm

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
ACFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AC!E15096
ATIGA	2022	2022	0	AT!E15028
ATIGA	2023	2023	0	AT!F15028
ATIGA	2024	2024	0	AT!G15028
ATIGA	2025	2025	0	AT!H15028
ATIGA	2026	2026	0	AT!I15028
ATIGA	2027	2027	0	AT!J15028
AJCEP	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	AJ!E15082
AJCEP	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	AJ!F15082
AJCEP	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	AJ!G15082
AJCEP	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	AJ!H15082

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
AJCEP	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	AJ!I15082
AJCEP	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	AJ!J15082
VJEPA	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	VJ!E15083
VJEPA	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	VJ!F15083
VJEPA	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	VJ!G15083
VJEPA	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	VJ!H15083
VJEPA	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	VJ!I15083
VJEPA	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	VJ!J15083
AKFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AK!F15086
AANZFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AANZ!H15034
AIFTA	30/12/2022	2022	0	AI!F15042
AIFTA	31/12/2022 - 30/12/2023	2023	0	AI!G15042
AIFTA	31/12/2023 - 30/12/2024	2024	0	AI!H15042
AIFTA	31/12/2024 - 31/12/2025	2025	0	AI!I15042
AIFTA	01/01/2026 - 31/12/2026	2026	0	AI!J15042
AIFTA	01/01/2027 - 31/12/2027	2027	0	AI!K15042
VKFTA	2022	2022	0	VK!E15082
VKFTA	2023	2023	0	VK!F15082
VKFTA	2024	2024	0	VK!G15082
VKFTA	2025	2025	0	VK!H15082
VKFTA	2026	2026	0	VK!I15082
VKFTA	2027	2027	0	VK!J15082
VCFTA	2022	2022	0	VC!D15137
VCFTA	2023	2023	0	VC!E15137
VCFTA	2024	2024	0	VC!F15137
VCFTA	2025	2025	0	VC!G15137

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
VCFTA	2026	2026	0	VC!H15137
VCFTA	2027	2027	0	VC!I15137
VN-EAEU	2022	2022	*	EAV!D15116
VN-EAEU	2023	2023	*	EAV!E15116
VN-EAEU	2024	2024	*	EAV!F15116
VN-EAEU	2025	2025	*	EAV!G15116
VN-EAEU	2026	2026	*	EAV!H15116
VN-EAEU	2027	2027	*	EAV!I15116
AHKFTA	2022	2022	0	AKH!D15114
AHKFTA	2023	2023	0	AKH!E15114
AHKFTA	2024	2024	0	AKH!F15114
AHKFTA	2025	2025	0	AKH!G15114
AHKFTA	2026	2026	0	AKH!H15114
AHKFTA	2027	2027	0	AKH!I15114
EVFTA	2022	2022	0	EV-NK!D15120
EVFTA	2023	2023	0	EV-NK!E15120
EVFTA	2024	2024	0	EV-NK!F15120
EVFTA	2025	2025	0	EV-NK!G15120
EVFTA	2026	2026	0	EV-NK!H15120
EVFTA	2027	2027	0	EV-NK!I15120
UKVFTA	2022	2022	0	UKV!D15119
UKVFTA	2023	2023	0	UKV!E15119
UKVFTA	2024	2024	0	UKV!F15119
UKVFTA	2025	2025	0	UKV!G15119
UKVFTA	2026	2026	0	UKV!H15119
UKVFTA	2027	2027	0	UKV!I15119

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
CPTPP	(I)	2021 (DERIVED)	0	CPTPP!D15112
CPTPP	(II)	2022 (DERIVED)	0	CPTPP!E15112
CPTPP	(III)	2023 (DERIVED)	0	CPTPP!F15112
CPTPP	(IV)	2024 (DERIVED)	0	CPTPP!G15112
CPTPP	(V)	2025 (DERIVED)	0	CPTPP!H15112
CPTPP	(VI)	2026 (DERIVED)	0	CPTPP!I15112
CPTPP	(VII)	2027 (DERIVED)	0	CPTPP!J15112
RCEP A	2022	2022	0	RCEPT-A!D15107
RCEP A	2023	2023	0	RCEPT-A!E15107
RCEP A	2024	2024	0	RCEPT-A!F15107
RCEP A	2025	2025	0	RCEPT-A!G15107
RCEP A	2026	2026	0	RCEPT-A!H15107
RCEP A	2027	2027	0	RCEPT-A!I15107
RCEP B	2022	2022	0	B!D15107
RCEP B	2023	2023	0	B!E15107
RCEP B	2024	2024	0	B!F15107
RCEP B	2025	2025	0	B!G15107
RCEP B	2026	2026	0	B!H15107
RCEP B	2027	2027	0	B!I15107
RCEP C	2022	2022	0	C!D15107
RCEP C	2023	2023	0	C!E15107
RCEP C	2024	2024	0	C!F15107
RCEP C	2025	2025	0	C!G15107
RCEP C	2026	2026	0	C!H15107
RCEP C	2027	2027	0	C!I15107
RCEP D	2022	2022	0	D!D15106

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
RCEP D	2023	2023	0	D!E15106
RCEP D	2024	2024	0	D!F15106
RCEP D	2025	2025	0	D!G15106
RCEP D	2026	2026	0	D!H15106
RCEP D	2027	2027	0	D!I15106
RCEP E	2022	2022	0	E!D15110
RCEP E	2023	2023	0	E!E15110
RCEP E	2024	2024	0	E!F15110
RCEP E	2025	2025	0	E!G15110
RCEP E	2026	2026	0	E!H15110
RCEP E	2027	2027	0	E!I15110
RCEP F	2022	2022	0	F!D15107
RCEP F	2023	2023	0	F!E15107
RCEP F	2024	2024	0	F!F15107
RCEP F	2025	2025	0	F!G15107
RCEP F	2026	2026	0	F!H15107
RCEP F	2027	2027	0	F!I15107
VIFTA	2024	2024	0	VI!F14075
VIFTA	2025	2025	0	VI!G14075
VIFTA	2026	2026	0	VI!H14075
VIFTA	2027	2027	0	VI!I14075

Khuyến cáo & cảnh báo

Mã rủi ro	Mức	Tên rủi ro	Mô tả	Dữ liệu liên quan	Căn cứ pháp lý	Khuyến nghị	Trạng thái xác minh

OR-001	YELLOW	Chưa có nước xuất xứ	Chưa thể đánh giá FTA khi chưa có nước xuất xứ.			Nhập nước xuất xứ để so sánh các biểu thuế ưu đãi đặc biệt.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TAX-001	YELLOW	Nhiều mức thuế GTGT	Cột VAT ghi “8/10”.		181/2025/NĐ-CP	Xác định mức VAT theo bản chất hàng hóa và quy định giảm thuế (174/2025/NĐ-CP, Phụ lục I/II).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TR-004	GRAY	Not Assessed – Additional Regulatory Verification Required	File nguồn không ghi nhận biện pháp phòng vệ thương mại cho mã 8535.40.00. Điều này KHÔNG có nghĩa là không có rủi ro.			Kiểm tra cơ sở dữ liệu phòng vệ thương mại của Bộ Công Thương (Cục Phòng vệ thương mại).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
DQ-001	GREEN	Thuế MFN có trong biểu nguồn	Thuế suất MFN 0% của mã 8535.40.00 được đối chiếu với BT2026 (ô BT2026!N15761), căn cứ 26/2023/NĐ-CP.		26/2023/NĐ-CP	Phạm vi xác minh: đối chiếu với file nguồn phiên bản 2026.04.05, không thay thế văn bản pháp luật.	Đã đối chiếu với file biểu thuế nguồn

Báo cáo mang tính tham khảo, được tạo tự động từ dữ liệu biểu thuế nguồn và quy tắc khuyến cáo. Đây không phải quyết định của cơ quan hải quan, không xác nhận mã HS, điều kiện hưởng FTA hay hiệu lực pháp lý. Người dùng chịu trách nhiệm đối chiếu văn bản pháp luật hiện hành.